TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** TỈNH TÂY NINH Bản án số: 01/2026/LĐ-ST Ngày 09 - 01 - 2026 V/v "Vô hiệu HĐLĐ & Điều chỉnh tên trên sổ BHXH"	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Đổi
2. Bà Nguyễn Thị Rạt

***Thư ký phiên tòa*:** Nguyễn Thị Kim Thoa -Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Còn- Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 29/2025/TLST-LĐ ngày 07 tháng 11 năm 2025 về việc: *"Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2025/QĐXXST - LĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, giữa:

1.Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp G, xã H, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt);

2.Bị đơn: Công ty TNHH S1. Địa chỉ trụ sở: ấp C, xã Đ, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện theo pháp luật: Ông/ bà Lee Jong M, chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1991. Địa chỉ: số I Q, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bảo hiểm xã hội tỉnh Tây Ninh. Trụ sở: số 08 T tránh, phường L, tỉnh Tây Ninh. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần S, giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền là ông Lê Thành L, Phó Giám đốc BHXH (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 8 năm 2025, nguyên đơn Nguyễn Thị Thu T *trình bày:*

Từ tháng 6/2008 đến tháng 05/2025, bà vào làm công nhân tại Công ty TNHH H (nay là Công ty TNHH O) địa chỉ tại ấp T, xã H, tỉnh Tây Ninh bà có tham gia bảo hiểm xã hội có số sổ là 8008021238.

Do bản thân không am hiểu pháp luật và mong muốn giúp đỡ em ruột bà Nguyễn Thị Ngọc D do không có giấy tờ tùy thân vì chưa đủ tuổi để đi lao động phụ giúp gia đình nên bà có cho bà Nguyễn Thị Ngọc D mượn giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Thu T tham gia giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S1 tại Ấp C, xã Đ, tỉnh Tây Ninh trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến tháng 5/2010. Khi làm việc tại Công ty TNHH S1 bà D có tham gia đóng bảo hiểm xã hội mang tên Nguyễn Thị Thu T có số sổ là 8008026888. Từ đó bà không thể hưởng được tiền bảo hiểm xã hội mà bà đã tham gia theo số sổ là 8008021238.

Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giả quyết:

1/ Vô hiệu hợp đồng lao động được kí kết giữa bà Nguyễn Thị Thu T (do bà Nguyễn Thị Ngọc D làm việc) với Công ty S1 có số sổ bảo hiểm là 8008026888 từ tháng 8/2008 đến tháng 5/2010;

2/ Điều chỉnh tên Nguyễn Thị Thu T trên sổ BHXH số 8008026888 trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến tháng 05/2010 tại Công ty TNHH S1 thành tên Nguyễn Thị Ngọc D.

Bị đơn Công ty TNHH S1 *có văn bản trình bày:* công ty thống nhất vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thu T với Công ty TNHH S1 từ tháng 8/2008 đến tháng 5/2010. Đồng thời Công ty TNHH S1 xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc D1 *có văn bản trình bày:* Do bà không có giấy tờ tùy thân vì mất giấy căn cước nên bà có mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Thu T để vào làm việc tại Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 5/2008 đến tháng 10/2010. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà T đối với việc giải quyết vô hiệu hợp đồng lao động, bà đề nghị giải quyết theo qui định pháp luật. Bà có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh L *trình bày:* Căn cứ vào hồ sơ, dữ liệu quản lý thu, sổ, thẻ và chính sách BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ, BNN), Bảo hiểm xã hội (BHXH) tỉnh Long An cung cấp thông tin về thời gian đóng BHXH, BHTN của bà Nguyễn Thị Thu T từ tháng 8/2008 đến tháng 5/2010 trên sổ sổ bảo hiểm 8008026888 tại Công ty TNHH S1, bà T đã hưởng trợ cấp BHXH một lần trong thời gian đóng bảo hiểm nêu trên.

Đối với trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để đi làm, việc điều chỉnh nhân thân người lao động trên sổ BHXH đối với khoản thời gian mượn hồ sơ tư pháp để đi làm sẽ được BHXH tỉnh L thực hiện hiệu chỉnh trên cơ sở quyết

định của bản án đã có hiệu lực pháp luật mà Tòa án đã tuyên và thành phần hồ sơ theo quy định được người lao động cung cấp;

BHXH tỉnh L không cung cấp được hợp đồng lao động theo đề nghị của Tòa án và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu T về việc Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thu T (do bà Nguyễn Thị Ngọc D thực hiện) với Công ty TNHH S1 từ tháng 8/2008 đến tháng 5/2010 trên số sổ bảo hiểm 8008026888; Điều chỉnh sổ bảo hiểm số 8008026888 từ bà Nguyễn Thị Thu T thành tên Nguyễn Thị Ngọc D. Bởi vì thực tế bà Nguyễn Thị Ngọc D không phải là người lao động mà bà Nguyễn Thị Ngọc D mới là người lao động tại Công ty TNHH S1 và có tham gia bảo hiểm xã hội 8008026888 trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến tháng 5/2010.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và Điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự. Công ty TNHH S1 có trụ sở tại xã Đ, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Thu T người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, Công ty TNHH S1 là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn. Bà Nguyễn Thị Ngọc D và BHXH tỉnh L được xác định là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thu T khởi kiện hủy hợp đồng lao động với Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến 5/2010 vì bà T cho rằng quyền lợi bị xâm phạm do hợp đồng giả tạo là còn trong thời hiệu khởi kiện; bà Nguyễn Thị Thu T có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Chứng cứ bà Nguyễn Thị Thu T có nộp đơn khởi kiện, căn cước công dân và giấy ủy quyền.

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật lao động 2019 và Bộ luật tố tụng 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu. Các đương sự thừa nhận đã tiếp cận đầy đủ chứng cứ của nhau.

[2].Về nội dung:

Xét thấy bà Nguyễn Thị Thu T cho bà D mượn chứng minh thư mang tên Nguyễn Thị Thu T để xác lập hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm xã hội trong từ tháng 8/2008 đến tháng 5/2010 tại Công ty TNHH S1 theo sổ BHXH số 8008026888. Trong khi đó bà Nguyễn Thị Thu T cũng tham gia lao động tại Công ty TNHH H. Khi làm việc tại Công ty TNHH H bà T có tham gia bảo hiểm xã hội có số sổ là 8008021238. Nay bà T không được hưởng tiền bảo hiểm của chính mình là sổ BHXH số 8008021238 nên có yêu cầu Tòa án vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thu T (do bà Nguyễn Thị Ngọc D thực hiện) tại Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 08/2008 đến 5/2010 là có căn cứ. Bởi vì đối tượng lao động thực sự lao động tại Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 08/2008 đến 5/2010 là bà Nguyễn Thị Ngọc D không phải là bà Nguyễn Thị Thu T;

Việc bà Nguyễn Thị Thu T cho bà Nguyễn Thị Ngọc D mượn giấy căn cước công dân để đi làm tại tại Công ty TNHH S1 trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến 5/2009 là vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ Luật Lao động, vi phạm các hành vi bị cấm như gian lận, giả mạo hồ sơ trong việc thực hiện BHXH, BHTN theo quy định tại khoản 4 Điều 17 của Luật BHXH số 58/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 do đó việc cần điều chỉnh tên trên sổ số 8008026888 mang tên bà Nguyễn Thị Ngọc D là có căn cứ.

Bà D và Công ty TNHH S1 không có tranh chấp gì trong vụ án này nên không đề cập xem xét.

[3].Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thu T tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm thay cho nên Công ty TNHH S1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 68 Điều 91, Điều 93, Điều 97, Điều 147, Điều 195, Điều 196, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, Điều 18, Điều 21 và Điều 49 Bộ luật lao động; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu T về việc: "*Tranh chấp yêu cầu vô hiệu hợp đồng lao động và điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm xã hội*" với Công ty TNHH S1.

1.1. Vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Thu T (do bà Nguyễn Thị Ngọc D thực hiện) với Công ty TNHH S1 từ tháng 8/2008 đến 5/2010;

1.2. Điều chỉnh tên Nguyễn Thị Thu T trên sổ BHXH số 8008026888 trong khoảng thời gian từ tháng 8/2008 đến tháng 5/2010 tại Công ty TNHH S1 thành tên Nguyễn Thị Ngọc D.

2.Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu T tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí lao động sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà có nộp theo biên lai số 0010235 ngày 31/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh vào án phí.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để xin xét xử phúc thẩm.

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh TN;
-VKSND KV 3;
- Phòng THA DS khu vực 3 – Tây Ninh;
-Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy